

Bản án số: 55/2021/HNGĐ - ST
Ngày 27- 9 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành
Ông Phạm Đức Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2021/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 Về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2021. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị H, sinh năm 1992
Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
2. *Bị đơn:* Anh Triệu Văn K, sinh năm 1990
Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bàn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn K chung sống tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày

28/02/2011 tại UBND xã N (Nay là thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi cọ, chửi nhau. Tháng 4 năm 2020 chị làm đơn ly hôn, Tòa án đã thụ lý giải quyết, quá trình giải quyết được Tòa án động viên nên chị rút đơn khởi kiện, vợ chồng quay về chung sống với nhau, nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn lại xảy ra, mâu thuẫn trầm trọng nhất từ đầu tháng 02 năm 2021, đến tháng 5 năm 2021 vợ chồng sống ly thân, chị về quê ngoại tại Cẩm Thủy ở, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh K không thể kéo dài cuộc sống chung, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh K.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh K có 02 con chung là Triệu Hoàng P, sinh ngày 02/11/2011 và Triệu Hoàng V, sinh ngày 06/10/2014 khi chị và anh K sống ly thân, chị đưa cháu thứ hai là Triệu Hoàng V về quê ngoại ở, còn cháu Triệu Hoàng P ở với bố và ông bà nội tại thị trấn N. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Hoàng V, anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Hoàng P, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Về tài sản chung: Chị Bàn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2021 và tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 12/8/2021 bị đơn anh Triệu Văn K trình bày: Anh và chị H chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã N, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh cũng không biết lý do tại sao chị H lại làm đơn ly hôn, tháng 4 năm 2020 chị H có làm đơn ly hôn, Tòa án đang giải quyết thì chị H rút đơn, nay chị H lại làm đơn ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh và chị H sống ly thân từ tháng 5 năm 2021, khi ly thân chị H đưa cháu V về quê ngoại ở, còn cháu P vẫn ở với anh, anh K xác định giữa anh là chị H không thể kéo dài cuộc sống chung, anh không thể nín kéo chị H mãi được, nên anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H.

Về con chung: anh và chị H có 02 con chung là Triệu Hoàng P, sinh ngày 02/11/2011 và Triệu Hoàng V, sinh ngày 06/10/2014, khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Hoàng P, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Hoàng V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị H: Về hôn nhân chấp nhận chị Bàn Thị H được ly hôn anh Triệu Văn K; Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị H và anh K, giao cháu Triệu Hoàng P, sinh ngày 02/11/2011 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Triệu Hoàng V, sinh ngày 06/10/2014 cho chị Bàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H và anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét; Về tài sản chung: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh K, anh K có địa chỉ cư trú tại khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đề nghị xét xử vắng mặt, anh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị H đề nghị không tiến hành hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân giữa chị Bàn Thị H và anh Triệu Văn K: chị H và anh K chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K là do tính tình không hợp, tháng 4 năm 2020 chị H đã làm đơn ly hôn, trong quá trình Tòa án giải quyết chị H đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được, chị H và anh K sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau, cả chị H và anh K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể kéo dài cuộc sống chung.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Triệu Hoàng P, sinh ngày 02/11/2011 và Triệu Hoàng V, sinh ngày 06/10/2014. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, chị H đưa cháu V về quê ngoại ở, còn cháu P ở với anh K và ông, bà nội. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và giao cháu P cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; anh K cũng đồng ý khi ly hôn anh trực tiếp nuôi cháu P, chị H trực tiếp nuôi cháu V. Cháu Triệu Hoàng P, sinh ngày 02/11/2011 có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu ở với anh K, cả anh K và chị H đều đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Triệu Hoàng V, sinh ngày 06/10/2014 cho chị Bàn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Hoàng P, sinh ngày 02/11/2011 cho anh Triệu Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Chị H và anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị H:

- Về hôn nhân: Chị Bàn Thị H được ly hôn anh Triệu Văn K.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Hoàng P, sinh ngày 02/11/2011 cho anh Triệu Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Hoàng V, sinh ngày 06/10/2014 cho chị Bàn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Chị Bàn Thị H và anh Triệu Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0011923

ngày 11/5/2021.

4. Quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị H và anh Triệu Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- UBND thị trấn N;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Sơn